Phu Nu - 7

Địa Vị Người Phụ Nữ

Phu Nu - 7

Times font

Địa vị người phụ nữ trong giáo lý Đức Phật

Thích Nữ Huệ Hướng

Kết Luận

N ếu chỉ tìm hiểu địa vị người phụ nữ trong giáo lý Phật giáo được tôn trọng, được bình đẳng, ... mà chúng ta không biết đến những ảnh hưởng của Phật giáo đối với người phụ nữ trong xã hội là một điều thiếu sót lớn lao. Vì trong vấn đề này sẽ khẳng định thêm việc đạo Phật có bi quan yếm thế, có bất bình đẳng với hàng nữ lưu trong xã hội không? Đồng thời chúng ta sẽ được biết thêm vai trò quan trọng của Phật giáo đối với phụ nữ ngày nay.

1. Phật giáo với phụ nữ trong đời thường:

Như chúng ta biết, sự thành lập Ni bộ của đức Phật đã được các nhà dân tộc học cho là một việc làm vô cùng cách mạng, nếu ta xét đến yếu tố thời gian cách đây 2500 năm và không gian là xứ Ấn Độ đầy thành kiến đối với phái nữ.

Không những ngày xưa mà ngay hiện tại nhiều nơi ở Ấn vẫn còn giữ tục lệ Pardah tức là tục che mặt của phụ nữ khi ra đường, và họ phải sống trong phòng the khóa kín. Họ không được giáo dục, không làm được những công việc ngoài đường dù nhỏ nhặt đến đâu, tất cả đều do đàn ông đảm trách vì đó là tục lệ của Ấn giáo.

Ở Ấn Độ, sinh con gái là một điều bất hạnh cho mọi gia đình, vì phải lo việc gả chồng và sắm của hồi môn. Hơn nữa, trong xã hội Ấn Độ thời bấy giờ, cũng như ở Trung Hoa, Nhật Bản hay Việt Nam, mọi gia đình đều xem con trai là trường cột trong việc nắm giữ giềng mối tổ tông và lo việc tế tự thờ cúng. Do đó, nếu một người phụ nữ không sinh được con trai thì người chồng có thể cưới vợ khác và có thể trục xuất họ ra khỏi gia đình. Nhưng kể từ khi đạo Phật xuất hiện, những truyền thống xã hội Ấn Độ đã trải qua một cuộc đổi thay.

Phật giáo dạy rằng sự hy sinh phải bắt nguồn từ nội tâm, bằng cách gột rửa những tư tưởng ngã chấp, thiêu đốt tham, sân, si. Hoàng hậu Mallikà nhờ thấm nhuần những tư tưởng ấy của đạo Phật, đã trở nên một Phật tử chơn chánh, và thuyết phục được chồng bà, vua Pasenadi khỏi làm một cuộc tế lễ vĩ đại trong đó nhiều muông sinh đáng lẽ sẽ bị giết để chuộc mạng sống cho vua, theo lời khuyên của một người Bà la môn giáo.

Lại nữa, trong giáo lý Phật giáo mỗi người tự trách nhiệm lấy luân hồi sinh tử của mình, đã bật tung gốc rễ của niềm tin truyền thống mà trong đó có ít nhiều tai hại cho phụ nữ như tin rằng nhờ tế tự thần linh mới sinh được con trai, hay tin rằng linh hồn người cha sẽ trở về quấy nhiễu nếu việc cúng tế không chăm sóc chu đáo. Với thuyết

nghiệp báo, đạo Phật không tin vào những vụ cúng tế kia, dù là để cầu con trai hay để chuộc tội lỗi.

Như vậy, với sự xuất hiện của Phật giáo, người phụ nữ Ấn không còn phải quá lo ngại và bị ngược đãi khi không sinh được con trai. vì người ta đã nhận thức được rằng cuộc sống đời sau của người cha hoàn toàn tùy thuộc vào những hành vi hiện tại của ông, chứ không phải do sự cúng tế của người con trai hay con gái nào cả. Và sự kế nghiệp gia đình cũng không còn quá lệ thuộc vào người trưởng nam như trước.

Ngày nay ở bờ biển Tây Ấn còn có một giai cấp Bà la môn rất cổ xưa gọi là Nairs có truyền thống chỉ trao quyền thừa kế cho con gái. Điều này có thể là do một trong những ảnh hưởng của Phật giáo.

Trong Phật giáo hiện đại cũng thế, những công tác xã hội đề hàn gắn những vết thương của đồng loại trong lúc gặp thiên tai giặc giã, phần nhiều là do những vị ni và nữ Phật tử, nhiều từ tâm xả kỷ. Hàng nữ xuất gia cũng như tại gia hiện tại cũng đóng một vai trò không kém phần quan trọng đối với những công trình của giáo hội, thường thường là vai trò xúc tiến những cuộc lạc quyên gây ngân quỹ.

Về phương diện tinh thần, đoàn thể ni chúng là một tấm gương sáng, một niềm khích lệ an ủi cho nhiều phụ nữ bất hạnh trong sinh hoạt gia đình. Những lúc tinh thần căng thẳng rối loạn vì đời sống hôn nhân, họ đến chùa và được tăng thêm tự tín khi có những người con gái đáng đầu con, em họ đang dạn dĩ bước đi một mình trên đường đời, lấy chân lý làm bạn và lấy chúng sinh đau khổ làm gia đình. Họ bỗng nhận ra rằng một gia đình nhỏ với dăm ba đứa con hóa ra không phải là mục tiêu duy nhất của người phụ nữ, vì nhiều phụ nữ khác có thể sống trọn vẹn hơn mà không cần gì đến những thứ phụ tùng phiền toái như họ.

Biết bao nhiêu người phụ nữ đau khổ đã được cảm hóa khi biết hướng tâm hồn họ về ánh sáng Phật pháp thay vì quanh quẩn trong bóng tối của một bản ngã nhỏ hẹp với những vấn đề thế nhân bất tận trước mắt mà họ không thể nào tìm ra giải pháp.

Nhiều phụ nữ đã thú thật rằng nếu không nhờ Phật giáo thì họ có thể hóa ra điên cuồng hay ít ra cũng thân tà ma dại. Quả thế, Phật giáo đã cống hiến rất nhiều cho giới phụ nữ, cũng như đã tạo nhiều phương tiện giúp hàng nữ lưu phát huy nguồn năng lực dồi dào của họ mà từ lâu bị xã hội chôn vùi trong quên lãng.

Đặc biệt là ngày nay, khi cơn bệnh của thế kỷ (bệnh AIDS) từng bước bành trướng khắp hoàn cầu thì hơn ai hết những nữ tu sĩ Phật giáo, kế thừa gia bảo Chánh pháp của Phật, đã, đang và sẽ tiếp tục truyền thống thuyết pháp độ sanh, ban trải tất cả pháp môn tu hành xoa dịu nổi đau nhân thế.

Đọc lá thư cuối cùng của Tim Sullivan, người mắc bệnh AIDS, viết ngày 26/6/1994 gởi cho Sư cô T. Wongmo từ tiểu bang Chicago (Hoa Kỳ) chúng ta sẽ thấy rõ điều này hơn:

'Là một người đồng tính luyến ái mắc bệnh AIDS, tôi có nhiều thời gian để chấp nhận hoàn cảnh bi đát của mình. Nhưng khi nói chuyện với Sư cô về vấn đề chết và hấp hối, tôi cảm thấy mình có một nhận thức sâu sắc về cuộc sống và chấp nhận căn bệnh quái

ác này. Qua phương pháp thiền chữa bệnh, kỹ thuật khống chế cơn đau và nhiều lần tranh luận với Sư cô ... giờ đây tôi cảm giác bình yên kỳ lạ, một cảm giác chưa từng có trong đời của tôi...' (33)

Rõ là chỉ qua một vài nét về sự ảnh hưởng của Phật giáo với phụ nữ trong cuộc sống hàng ngày xưa cũng như nay, ta có thể đi đến một sự khẳng định chắc chắn rằng: Phật giáo chưa hề và không hề có một chút gì gọi là bi quan, gọi là không ưu đãi hàng nữ lưu, mà ngược lại còn quan tâm, giúp đỡ họ rất nhiều. Phật giáo đã và đang từng bước đi vào lòng quần chúng nói chung và phụ nữ nói riêng.

2. Phật giáo với phong trào bình đẳng nam nữ hiện nay:

Ngày nay trên khắp thế giới đều dậy lên phong trào canh tân nữ giới. Với khoa học phát triển, với phương pháp truyền thông đại chúng ngày càng nhiều, ngày càng rộng rãi, phụ nữ nhận thức được rằng họ không có điều gì phải thua kém nam giới. Trên mọi lãnh vực xã hội: kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục, ... những gì nam giới làm được họ đều có thể xông xáo vào và có khả năng của người phụ nữ còn vượt trội hơn nam nhân. Phụ nữ không còn bị liệt vào một địa vị thấp kém của xã hội như ngày xưa nhằm thời Phật tại thế (dĩ nhiên đây không phải là tất cả).

Nói đến đây, chúng ta mới thực sự thấy đức Phật lịch sử là một nhân vật vĩ đại. Ngài đã làm nên một cuộc cách mạng lớn lao, chẳng những giải phóng cho hàng phụ nữ thoát khỏi sự áp bức của xã hội mà còn tạo điều kiện cho nữ giới vững bước vào đời.

Thế nhưng, không phải ai cũng thấy được những đóng góp lớn lao ấy của Phật giáo đối với phụ nữ nên cũng có một số người chưa hiểu Phật pháp cho rằng giáo lý Phật giáo với thuyết Vô ngã, thuyết nghiệp báo, luân hồi sanh tử, ... đã làm trì hãm tính năng động của người phụ nữ, và phụ nữ sẽ rất khó thực hiện phong trào đòi quyền bình đẳng với nam giới nếu họ học tập giáo lý Phật giáo.

Tuy nhiên, nếu nói đã vô ngã thì còn gì để giành quyền bình đẳng, để phát động phong trào nam nữ bình quyền, thi hoàn toàn không đúng. Vì sao? Vì chính nhờ triết thuyết vô ngã này hàng nam giới mới nhận thức được rằng không có gì là họ, thuộc về họ để phải lấn lướt đè bẹp người phụ nữ, và phụ nữ cũng hiểu ra không có gì để gọi là thua kém để phải tự ti mặc cảm không phấn đấu vươn lên. Và như thế không có nghĩa là một sự tiêu cực dang xảy ra mà vô hình chung lại hình thành một cộng đồng người sống trong bình đẳng, với đầy lòng từ bi, vô ngã, vị tha.

Còn nếu nói về thuyết nghiệp báo, luân hồi thì cũng không khác gì ý trên. Mọi người, kể cả nam và nữ, nếu đã tạo nghiệp thì tất nhiên phải lãnh quả báo như nhau. Như vậy không có nghĩa là có thể nói do người nữ nghiệp chướng nặng nề phải chấp nhận những áp bức bất công của xã hội và nam giới là những người hoàn toàn trong sạch để có thể gây nên những nỗi bất bình đến thương tâm ấy, mà đức Phật thuyết giáo lý nghiệp báo luân hồi chỉ vì mục đích giúp cho mọi người hiểu được rằng: hễ gieo nhân nào thì lãnh quả đó, và như vậy sẽ gián tiếp giúp cho mọi người cùng chung sống trong pháp luật, hòa bình, nhân ái.

Nhìn chung, qua những vấn đề trên, chúng ta có thể đi đến kết luận: Phật giáo hoàn toàn không hề tỏ ra tiêu cực đối với việc bình quyền nam nữ mà ngược lại còn ủng hộ phong trào này. Và ngay đây chúng ta có thể nói với cái nhìn thiết thực, với tư duy đúng đắn về người phụ nữ, đạo Phật đã góp phần đưa người phụ nữ lên một địa vị xứng đáng trong xã hội.

Chú thích

(1) Nguyễn Tài Thư, Phật giáo và thế giới quan người Việt Nam trong lịch sử, nxb UBKHXHVN, 1986, p.37

(2) PTS Nguyễn Minh Hòa, Xã hội học nhập môn, nxb giáo dục HN, 1995

(3) GS Minh Chi, Tài liệu Tôn giáo học trường CCPHVN, 1993, p.102

(4) Ibid., ... p.114

(5) Phẩm Thứ hai, Kinh Tương Ưng Bộ, HT Thích Minh Châu, Viện NCPHVN, 1993, p.194

(6) Kinh Báo Ân, Kinh Tâm Địa Quán, Phúc Điền THPGTPHCM, 1995, p.93

(7) Phẩm Sứ giả của trời, Tăng Chi Bộ Kinh I, HT Thích Minh Châu, Viện NCPHVN, 1988, p.147

(8) Ibid., ... p.147

(9) Phẩm Hy Cầu, kinh Tăng chi bộ I, p.104

(10) Kinh Trung A Hàm III, HT Thích Thiện Siêu, THPGTPHCM, p. 266

(11) Kinh Bộ Tăng Chi II, HT Thích Minh Châu, Viện NCPHVN, 1988, pp.295-296

(12) Kinh A Tu La Pahàràda, phẩm Lớn, Kinh Bộ Tăng Chi II, HT Thích Minh Châu, Viện NCPHVN, 1988, p.57

(13) Giới đàn ni

(14) Phẩm người Tối Thắng, Kinh Bộ Tăng Chi, HT Thích Minh Châu, Viện NCPHVN, 1988, p.34

(15) Phẩm Sumana, Kinh Bộ Tăng Chi, HT Thích Minh Châu, Viện NCPHVN, 1988, p.39

(16) Trưởng lão ni kệ, bài thứ 11

(17) Phẩm Gotamì, Kinh Bộ Tăng Chi III, HT Thích Minh Châu, Viện NCPHVN, 1988, p.114

(18) Đại kinh Vacchagotta, Trung Bộ Kinh II, HT Thích Minh Châu, Viện NCPHVN, 1988, p.236

(19) Đại kinh Vacchagotta, Trung Bộ Kinh II, HT Thích Minh Châu, Viện NCPHVN, 1988, p.238

(20) Phẩm Gotamì, Kinh Bộ Tăng Chi III, HT Thích Minh Châu, Viện NCPHVN, 1988, p.115

(21) Phẩm Gotamì, Kinh Bộ Tăng Chi III, HT Thích Minh Châu, Viện NCPHVN, 1988, p.117

(22) Phẩm Gotamì, Kinh Bộ Tăng Chi III, HT Thích Minh Châu, Viện NCPHVN, 1988, p.116

(23) Trích bài tựa cuốn 'Women under Primitive Buddhism', Nguyễn Phúc Bửu Tăp dịch

(24) Phẩm Gotamì, Kinh Bộ Tăng Chi III, HT Thích Minh Châu, Viện NCPHVN, 1988, p.116

(25) Phẩm Chư Thiên, Kinh Bộ Tăng Chi II, HT Thích Minh Châu, Viện NCPHVN, 1988, p.333

(26) Ibid.,... p.333

(27) Kinh Cù Đàm Di, Trung A Hàm II, viện NCPHVN, 1992, p.751

(28) Phẩm Không Thể Có Được, Kinh Bộ Tăng Chi I, HT Thích Minh Châu, Viện NCPHVN, 1988, pp.37-38

(29) Phẩm Tương Ưng Tỳ Kheo ni, Kinh Bộ Tăng Chi I, HT Thích Minh Châu, Viện NCPHVN, 1988, p.285-286

(30) Phẩm Tương Ưng Tỳ Kheo ni, Kinh Bộ Tăng Chi I, HT Thích Minh Châu, Viện NCPHVN, 1988, p.285-286

(31) Nguyễn Phúc Bửu Tập, Đạo Phật và nữ quyền, Tạp chí Hoa sen số 28 ra ngày 15/5/1996 tại California, p.135

(32) Phẩm Mâu Ni Vương Nữ, Kinh Bộ Tăng Chi I, HT Thích Minh Châu, Viện NCPHVN, 1993, p.43

(33) Báo Giác ngộ, p.20 T. Nguyên Tạng dịch theo Mandala Journal 10/94

(34) Pháp Cú: 165, Hòa Thượng Thích Minh Châu, trường CCPHVN, 1990, p.97

Tài liệu tham khảo

1. Kinh Trung Bộ I, II, III, HT. Thích Minh Châu, viện NCPHVN, 1986.

2. Kinh Bộ Tăng Chi I, II, III, HT. Thích Minh Châu, viện NCPHVN, 1988.

3. Kinh Trường Bộ I, II, HT. Thích Minh Châu, viện NCPHVN, 1991-1992.

4. Kinh Tương Ưng Bộ I, II, III, IV, V, HT. Thích Minh Châu, viện NCPHVN, 1993.

5. Kinh Pháp Cú, HT. Thích Minh Châu, viện NCPHVN, 1990.

6. Trưởng lão ni kệ, HT. Thích Minh Châu, viện NCPHVN, 1982.

7. Kinh Trung A Hàm I, II, III, IV, HT. Thích Thiện Siêu, viện NCPHVN, 1993.

8. Kinh Tăng Nhất A Hàm I, II, III, HT. Thích Thiện Siêu, viện NCPHVN, 1993.

9. Kinh Tâm Địa Quán, Phúc Điền, Thành Hội PGTPHCM, 1995.

10. HT Thích Thanh Kiểm, Lược sử Phật giáo Ấn Độ, THPGTPHCM, 1995.

11. Thích Chơn Thiện, Tăng già thời Đức Phật, VNCPHVN, 1991.

12. Thích Chơn Thiện, Phật học khái luận, GHPGVN, 1993.

13. Thích Thiện Nhơn, Đại cương kinh Tăng Nhất A Hàm, giáo tài Trường CCPHVN, 1994.

14. Thích Thiện Nhơn, Đại cương kinh Tạp A Hàm, tài liệu Trường CCPHVN, 1995.

15. Đức Phật và Phật Pháp, Phạm Kim Khánh, 1971.

16. Phật giáo nhìn toàn diện, Phạm Kim Khánh, 1996.

17. GS Minh Chi, Tài liệu Tôn Giáo học, trường CCPHVN, 1993.

18. Nguyễn Trọng Văn, Lịch Sử Triết học Phương Tây, Đại học Tổng hợp TPHCM, khoa Triết học.

19. Mấy vấn đề về Phật giáo và lịch sử tư tưởng Việt Nam, UBKHXHVN, viện Triết học.

20. Xã hội nhập môn, Nguyễn Minh Hòa, nxb giáo dục HN, 1995.

21. Báo Giác ngộ, số 20, ra ngày 1-3-1995

22. Nguyệt san Tư tưởng, số 3, tháng 5-1971, viện Đại học Vạn Hạnh.

23. Nguyệt san Hoa sen, số 28 ra ngày 15-5-1996, tại California, p.135.

24. Hoa Đàm, Ni Bộ Bắc Tông, 1973.

-ooOoo-

Mục lục | Dẫn nhập | 1 | 2 | 3 | 4 | Kết luận

Source: Buddhism Today (http://www.buddhismtoday.com) & Quang-Duc (http://www.quangduc.com)

[Trở về trang Thư Mục]

update: 29-04-2001

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.